

Bản án số: 11 /2021/ HNGĐ-ST

Ngày: 14-01-2021

“V/v Ly hôn giữa chị H và anh N”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **TRẦN TÚ ANH**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **TỔNG VĂN TỰ**

2. Ông **LÊ VĂN THÀNH**

- Thư ký phiên tòa: Bà **ĐẶNG THỊ THÙY DUNG** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Trong ngày 14 tháng 01 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 606/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp “Xin ly hôn và nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 300/2020/QĐXX-ST ngày 07 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Trần Thị H**, sinh năm 1985.

Địa chỉ: ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Hoàng N**, sinh năm 1984.

Địa chỉ: ấp T, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Chị H có mặt, anh N vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày: Chị và anh N xác lập quan hệ vợ chồng năm 2002 trên cơ sở có sự tìm hiểu nhau trước, có đăng ký kết hôn năm 2004. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, thường hay cãi nhau nên mất hạnh phúc. Anh chị đã ly thân từ tháng 7/2020 đến nay.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng T1 sinh ngày 18/02/2004, hiện do chị nuôi.

Tài sản chung và nợ chung: Không có.

Chị H xin được ly hôn với anh N. Con chung chị yêu cầu nuôi, không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con.

- Bị đơn anh Nguyễn Hoàng N dù được tổng đạt đầy đủ văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt và không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định pháp luật Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Hoàng N dù được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy chị H và anh N tiến đến hôn nhân năm 2002, đăng ký kết hôn năm 2004 trên cơ sở có sự tìm hiểu nhau trước. Tuy nhiên, anh chị chỉ chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn làm cho tình cảm vợ chồng không còn. Nguyên nhân do tính tình không hợp, vợ chồng thường hay cãi nhau. Anh chị đã ly thân từ tháng 7/2020 đến nay, không ai quan tâm đến ai hay tìm cách hàn gắn tình cảm vợ chồng. Đối với anh N dù được tổng đạt đầy đủ văn bản tố tụng nhưng vẫn không tham gia tố tụng tại Tòa và cũng không có ý kiến gì về việc chị H xin ly hôn. Từ đó cho thấy anh N không thiết tha đoàn tụ cùng chị H, tình cảm vợ chồng anh chị đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử xem xét cho chị H được ly hôn với anh N là phù hợp điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân anh chị có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng T1 sinh ngày 18/02/2004. Xét thấy, cháu T1 đang được chị H nuôi dưỡng, các cháu vẫn phát triển bình thường, cháu cũng có nguyện vọng sống với chị H. Đối với anh N cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu nuôi con của chị H. Do đó để tránh xáo trộn cuộc sống của con chung nên Hội đồng xét xử xem xét giao con chung cho chị Trần Thị H tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị H trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu ly hôn được chấp nhận theo qui định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu khởi kiện xin ly hôn của chị Trần Thị H.

1. Về hôn nhân: Cho chị Trần Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng N.

2. Về con chung:

2.1. Giao con chung tên Nguyễn Hoàng T1 sinh ngày 18/02/2004 cho chị Trần Thị H tiếp tục nuôi dưỡng.

2.2. Anh Nguyễn Hoàng N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo qui định pháp luật.

3. Về án phí: Chị Trần Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Chị đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004128 ngày 07/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè xem như thi hành xong.

4. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Chị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Đối với anh N thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

TRẦN TÚ ANH

